

Số: 91 /TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCKNN VÀ SGDCK TP.HCM**

**Kính gửi/ To:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại/ *Telephone*: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Bùi Quốc Công

Chức vụ/ *Position*: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Công ty cổ phần ô tô TMT xin trân trọng thông báo:**

Ngày 27/01/2022 Công ty cổ phần ô tô TMT đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2021, giải trình kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2021 kết thúc ngày 31/12/2021.

Thông tin này được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 27/01/2022: <http://www.tmt-vietnam.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính;
- Báo cáo giải trình.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Bùi Quốc Công

Số: /TMT-TCKT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Giải trình KQSXKD

Quý IV năm 2021 và cả năm  
2021

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính quý IV năm 2021. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2020 như sau:

**1. Tình hình hoạt động kinh doanh tại Công ty quý IV năm 2021 :**

Dvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý IV Năm 2021	Quý IV Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	855,630,734,308	528,538,967,322	327,091,766,986	62%
2	Giá vốn hàng bán	757,675,433,465	486,889,312,201	270,786,121,264	56%
3	Lợi nhuận gộp BH và CCDV	97,955,300,843	41,649,655,121	56,305,645,722	135%
4	Doanh thu tài chính	1,714,721,121	1,573,958,506	140,762,615	9%
5	Chi phí tài chính	45,511,402,622	14,079,216,695	31,430,928,393	223%
6	Chi phí bán hàng	20,396,811,496	11,967,822,521	8,428,988,975	70%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,651,306,600	15,921,412,892	(2,270,106,292)	-14%
8	Lợi nhuận khác	(3,525,722,486)	(621,073,634)	(2,904,648,852)	468%
9	Lợi nhuận sau thuế	13,218,575,155	450,185,199	12,768,389,956	2836%

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2021 đạt 13,218,575,155 đồng, tăng 12,768,389,956 VND tương ứng 2836% so với cùng kỳ năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do:

- Doanh thu tài chính quý IV năm 2021 tăng 327 tỷ so với quý IV năm 2020 nguyên nhân chủ yếu là do áp dụng nhiều chính sách bán hàng ưu đãi, cạnh tranh trong thị trường.

- Chi phí tài chính quý IV năm 2021 tăng 31 tỷ đồng, tương ứng tăng 223% chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ những khoản phải trả NCC có gốc ngoại tệ

- Đồng thời chi phí bán hàng tăng 8,4 tỷ tương ứng tăng 70% do công ty tập trung tiến hành chính sách thúc đẩy bán hàng đối với những dòng xe và vùng trọng điểm.


## 2. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 của toàn Công ty

Doanh thu bán hàng hợp nhất năm 2021 đạt 2,532 tỷ tăng 753 tỷ tương ứng với 42% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 40,5 tỷ đồng, tăng trưởng 2,240% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh từ công ty mẹ

Tiền đây là một số nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến kết quả kinh doanh quý III năm 2021 của Công ty cổ phần ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu VP, P.TCKT.



Bùi Văn Hữu



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP**  
*cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Lãnh Đạo Công Ty</b>	2 – 3
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất năm tự lập</b>	4-29
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7-8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 29

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty (tiếp theo)**

### **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

Ban lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Ủy viên;
Bà Đỗ Thị Hạnh	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên.

#### **BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban lãnh đạo Công ty và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 08/6/2021
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách Phòng tài chính kế toán.	

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty (tiếp theo)**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Chủ tịch hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,715,583,413,176</b>	<b>1,320,648,234,585</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>28,097,757,750</b>	<b>62,746,460,019</b>
1. Tiền	111	V.01	28,097,757,750	62,746,460,019
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>65,923,915,162</b>	<b>3,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1,073,530	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(541,930)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65,923,383,562	3,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>516,890,821,885</b>	<b>150,936,602,195</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	119,781,252,184	42,070,090,772
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23,943,559,036	8,319,555,279
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HỖXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	27,941,441,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	374,626,792,929	74,066,297,408
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1,482,164,277)	(1,482,164,277)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		21,382,013	21,382,013
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,009,630,702,016</b>	<b>1,078,466,965,160</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2,024,108,105,537	1,081,885,630,501
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(14,477,403,521)	(3,418,665,341)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>95,040,216,363</b>	<b>25,498,207,211</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9,420,364,971	6,917,935,456
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85,502,527,791	18,244,253,292
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	117,323,601	336,018,463
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>394,147,238,836</b>	<b>385,879,994,996</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100,000,000</b>	<b>110,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	100,000,000	110,000,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310,779,686,266</b>	<b>311,174,722,502</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	260,061,562,216	260,406,902,022
- Nguyên giá	222		440,542,131,601	424,431,783,149
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(180,480,569,385)	(164,024,881,127)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50,718,124,050	50,767,820,480
- Nguyên giá	228		50,933,945,000	50,933,945,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(215,820,950)	(166,124,520)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>1,975,274,496</b>	<b>11,031,479,804</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,975,274,496	11,031,479,804
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	-	<b>704,700</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1,073,530
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(368,830)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>81,292,278,074</b>	<b>63,563,087,990</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	67,784,268,388	63,563,087,990
5. Lợi thế thương mại	269		13,508,009,686	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3,109,730,652,011</b>	<b>1,706,528,229,581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,649,959,211,004</b>	<b>1,289,232,775,617</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,570,626,483,177</b>	<b>1,218,328,053,117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1,568,091,929,919	672,155,779,861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		112,157,690,954	72,839,209,932
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	12,541,837,745	1,562,700,800
4. Phải trả người lao động	314		8,921,096,182	9,717,617,378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	43,237,171,140	17,178,966,602
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	68,905,775,446	22,357,589,926
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		756,791,332,253	422,473,638,801
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,949,538	42.549,817
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79,332,727,827</b>	<b>70,904,722,500</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		26,400,000,000	26,000,060,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	52,932,727,827	44,904,662,500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>459,771,441,007</b>	<b>417,295,453,964</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>459,771,441,007</b>	<b>417,295,453,964</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		360,727,500	360,727,500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		483,226,387	483,226,387
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8,680,989,647)	(8,680,989,647)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,392,834,071	16,338,559,350
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78,135,720,350	35.917.130,374
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		35,800,801,088	34,107,972,993
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		42,334,919,262	1,809,157,381
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		203,122,346	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3,109,730,652,011</b>	<b>1,706,528,229,581</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

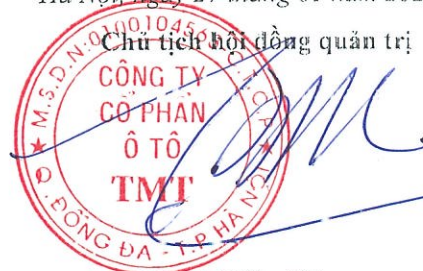


Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung



Bùi Văn Hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Báo**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2,532,925,449,896	1,779,914,693,967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3,425,357,313	33,638,905,464
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	2,529,500,092,583	1,746,275,788,503
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	2,289,799,967,618	1,592,994,063,161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		239,700,124,965	153,281,725,342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	18,078,009,439	2,870,213,952
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	73,678,735,202	63,187,384,769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43,411,650,537	63,179,211,968
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		66,565,962,771	39,333,027,497
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		60,938,176,612	49,366,401,380
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56,595,259,820	4,265,127,648
12. Thu nhập khác	31		1,129,176,784	447,241,085
13. Chi phí khác	32		4,143,703,299	2,043,292,797
14. Lợi nhuận khác	40		(3,014,526,515)	(1,596,051,712)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,580,733,305	2,669,075,936
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	11,242,891,541	859,918,555
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		42,337,841,764	1,809,157,381
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		42,334,919,262	1,809,157,381
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,922,502	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,148	49
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,148	49

Người lập biểu

Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán

Nguyễn Nghĩa Trung

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

 Chủ tịch hội đồng quản trị  

 Bùi Văn Hữu

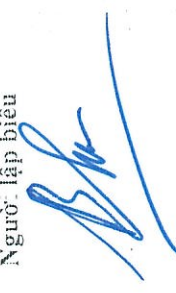
**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Báo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2021**

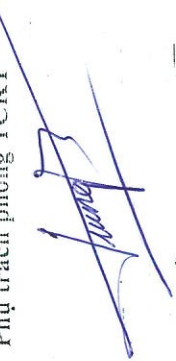
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể 12 tháng
			Năm 2021	Năm 2020	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	851,487,628,229	529,907,836,207	Năm 2021 1,779,914,693,967
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1,904,193,677	1,368,368,885	33,638,905,464
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	849,583,434,552	528,538,967,322	1,746,275,788,503
Giá vốn hàng bán	11	VI.03	747,121,472,595	486,889,312,201	1,592,994,063,161
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102,461,961,957	41,649,655,121	153,281,725,342
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1,715,394,014	1,573,958,506	2,870,215,952
Chi phí tài chính	22	VI.05	45,511,402,622	14,079,216,695	63,187,384,769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,141,759,315	14,079,496,895	63,179,211,968
Chi phí bán hàng	25	VI.08	22,818,173,416	11,967,822,521	39,333,027,497
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	15,638,327,967	15,921,412,892	49,366,401,380
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20,209,152,866	1,255,161,519	4,265,127,648
Thu nhập khác	31	V.06	600,390,581	75,938,650	447,241,085
Chi phí khác	32	V.07	4,126,111,321	697,012,284	2,043,292,797
Lợi nhuận khác	40		(3,525,720,440)	(621,073,634)	(1,596,051,712)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,683,432,426	634,087,885	2,669,075,936
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,472,752,568	183,902,686	859,918,555
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13,210,679,858	450,185,199	1,809,157,381
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			13,207,755,093		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			2,924,765		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		258	12	2,922,502
					1,148
					49

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách phòng TCKT



Nguyễn Nghĩa Trung



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Báo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	53,580,733,305	2,669,075,936
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16,563,324,818	16,353,002,179
- Các khoản dự phòng	03	11,028,611,280	(5,737,718,169)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(30,163,802,061)	(1,390,140,191)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(569,593,289)	(244,140,897)
- Chi phí lãi vay	06	43,410,393,003	63,179,711,968
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	93,849,661,056	74,829,290,826
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	754,720,965,843	58,512,813,814
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(942,222,475,035)	(85,522,723,193)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	49,720,396,952	459,312,849,722
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5,233,117,600)	(6,329,341,504)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(57,899,833,260)	(64,180,026,393)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4,166,008,882)	(2,533,754,129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(86,875,000)	(243,012,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(111,317,279,927)	433,846,156,703
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(7,013,002,234)	(12,711,560,713)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(519,946,025,151)	(31,991,441,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250,776,899,589	1,400,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	569,593,289	989,076,841
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(275,672,534,507)	(42,313,924,872)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ABC**Số nhà 15, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp)

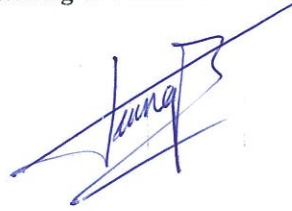
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10,000,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,171,398,077,238	1,066,636,366,296
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,829,052,318,459)	(1,407,006,268,695)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>352,345,758,779</b>	<b>(340,369,902,399)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(34,644,055,654)</b>	<b>51,162,329,432</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>62,746,460,019</b>	<b>11,584,143,995</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4,646,615)	(13,408)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>28,097,757,750</b>	<b>62,746,460,019</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

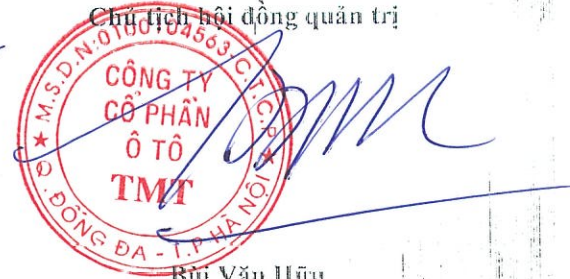


Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán


Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

#### 02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

#### 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

#### 05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất gồm:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh (từ ngày 03/2/2021)	Số nhà 28, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần ô tô TMT Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ Phần ô tô TMT Sài Gòn	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 678 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 630 người).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;  
Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

#### **04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 09. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua do Công ty mẹ nắm giữ.

Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua,
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

#### **18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

***Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

### **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**

#### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp". Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	28.097.757.750	62.746.460.019
+ Tiền mặt	858.085.402	306.054.119
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.239.672.348	62.440.405.900
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.097.757.750</b>	<b>62.746.460.019</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	679.000	348.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	183.600	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.073.530</b>	<b>531.600</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>65.923.383.562</b>	<b>65.923.383.562</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	65.923.383.562	65.923.383.562	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.923.383.562</b>	<b>65.923.383.562</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 3,2%/năm đến 5,3%/năm.

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác				
+ Công ty CP Thiết bị Bưu điện	-	-	1.073.530	704.700
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	-	-	679.000	603.300
<b>Cộng</b>	-	-	<b>394.530</b>	<b>101.400</b>
			<b>1.073.530</b>	<b>704.700</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>119.781.252.184</b>	<b>42.070.090.772</b>
- Ban Quản lý dự án số 3	2.905.379.780	6.383.616.780
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	2.255.554.047	703.517.955
- Công ty TNHH XD - XNK Tín Thành	-	4.800.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Hải Lợi	-	2.930.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại H&H Hà Nội	478.350.000	5.537.003.050
- Công ty Cổ phần Phân phối Sinotruk Việt Nam	-	429.993.530
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	114.620.318.357	21.285.959.457
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>119.781.252.184</b>	<b>42.070.090.772</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Corinco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>04. Phải thu về cho vay</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>			<b>27.941.441.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	-	-	2.398.441.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	-	-	3.543.000.000	-
- Ông Lê Tiến Phan	-	-	22.000.000.000	-
<i>b. Dài hạn</i>			-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>27.941.441.000</b>	-
<b>05. Phải thu khác</b>				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	374.626.792.929	(1.482.164.277)	74.066.297.408	(848.175.537)
- Tam ứng	-	-	423.331.199	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	258.293.026.978	-	9.955.632.893	-
- Phải thu khác	104.494.222.698	-	48.069.855.364	-
	11.854.543.253	(1.482.164.277)	15.677.457.952	(848.175.537)
<i>b. Dài hạn</i>				
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	<b>100.060.900</b>	-	<b>110.000.000</b>	-
	100.060.900	-	110.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>374.726.792.929</b>	<b>(1.482.164.277)</b>	<b>74.176.297.408</b>	<b>(848.175.537)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Corinco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy cơ khí 20	500.000.000	-	500.000.000	-
- DN TN Thịnh Hưng	602.975.940	-	602.975.940	-
- Các đối tượng khác	379.188.337	-	379.188.337	-
<b>Cộng</b>	<b>1.482.164.277</b>	<b>-</b>	<b>1.482.164.277</b>	<b>-</b>

07. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	202.413.665	-	557.102.024	-
- Nguyên liệu, vật liệu	52.675.166.427	(3.024.007.524)	131.073.828.791	(3.024.007.524)
- Công cụ, dụng cụ	4.341.089.494	-	4.975.956.451	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.660.093.995	-	81.106.000.956	-
- Thành phẩm	1.310.055.507.026	(8.672.482.498)	457.008.919.010	(104.596.041)
- Hàng hoá	185.380.982.187	(2.780.913.499)	112.349.981.359	(299.061.776)
- Hàng gửi bán	427.794.852.743	-	295.013.841.910	-
<b>Cộng</b>	<b>2.024.108.105.537</b>	<b>(14.477.403.521)</b>	<b>1.081.885.630.501</b>	<b>(3.433.665.341)</b>

Tại ngày 30 tháng 5 năm 2021, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay ngân hàng là 1.455.462.791.771 đồng.

08. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.975.274.496	-	1.975.274.496	11.031.479.804
- Xây dựng cơ bản	812.000.000	-	812.000.000	10.760.585.120
- Tiền khai hệ thống phần mềm ERP	1.163.274.496	-	1.163.274.496	272.894.684
- Chi phí XD CB dở dang khác	1.975.274.496	-	1.975.274.496	11.031.479.804
<b>Cộng</b>	<b>5.925.823.488</b>	<b>-</b>	<b>5.925.823.488</b>	<b>33.106.439.412</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ó TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>05. Vay và nợ thuế tài chính</b>						
<b>ε. Vay ngắn hạn</b>						
- <i>Vay ngân hàng</i>	422.473.638.801	422.473.638.801	2.201.697.413.911	1.843.600.680.459	756.791.332.253	756.791.332.253
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(a)</sup>	383.079.945.708	383.079.945.708	2.201.480.720.004	1.829.052.518.459	755.508.347.253	755.508.347.253
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(b)</sup>	314.360.106.047	314.360.106.047	775.927.604.238	776.281.645.006	314.005.065.279	314.006.065.279
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.289.988.738	5.289.988.738	882.658.799.541	579.312.711.194	308.636.077.085	308.636.077.085
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội <sup>(c)</sup>	8.861.870.380	8.861.870.380	464.880.019.442	363.645.408.179	110.095.481.643	110.096.481.643
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai <sup>(d)</sup>	54.567.980.543	54.567.980.543	41.327.393.583	93.469.528.580	2.425.845.546	2.425.845.546
- <i>Vay đối tượng khác</i>	15.614.653.093	15.614.653.093	215.593.907	14.548.362.000	1.282.985.000	1.282.985.000
- Bà Trịnh Th. Hồng Lê <sup>(e)</sup>	4.053.150.000	4.053.150.000	-	2.770.165.000	1.282.985.000	1.282.985.000
+ Ông Bùi Văn Hữu <sup>(e)</sup>	11.561.503.093	11.561.503.093	215.593.907	11.778.197.000	-	-
<b>đ. Vay và nợ dài hạn</b>	68.683.702.500	68.683.702.500	9.338.965.327	25.089.040.000	52.932.727.827	52.932.727.827
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(f)</sup>	57.683.702.500	57.683.702.500	8.940.365.327	14.089.040.000	52.534.727.827	52.534.727.827
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam <sup>(g)</sup>	11.000.000.000	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	398.000.000	-	398.000.000	398.000.000
<b>Cộng</b>	467.378.301.301	467.378.301.301	2.211.035.479.238	1.868.689.720.459	809.724.060.080	809.724.060.080

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Contico, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 700 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất trong kỳ từ 7,8% đến 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/134960/HĐBĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134950/HĐBĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐBĐ, số 02/2019/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐBĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ.
- (b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội với lãi suất 9,5%/năm theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4515028/2021/HĐHM/VPB ngày 25/3/2021 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 800 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa không quá 11 tháng, lãi suất trong kỳ từ 7,9% đến 8,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Tiến An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, 03 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 29H-250.76, 29H-250.78 và 29H-250.09, hàng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty và các xe ô tô lắp ráp từ linh kiện nhập khẩu trực tiếp hình thành từ vốn vay Ngân hàng, các sổ tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu.
- (c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/HĐTD-PN/PPC-12.2017 ngày 21/01/2021 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 250 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8,7% đến 9,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bộ linh bằng bộ linh kiện hình thành từ vốn vay, thành phẩm là xe ô tô tải hiệu Cửu Long do Công ty lắp ráp hoàn chỉnh từ linh kiện nhập khẩu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội tài trợ, xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc nhãn hiệu Sino truck, Howo mô: 100% hình thành từ vốn vay, xe lắp ráp thành phẩm, xe nhập khẩu nguyên chiếc có thời hạn kể từ ngày cấp giấy CN xuất xưởng/ đăng kiểm không quá 04 tháng thuộc sở hữu của Công ty.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai theo hợp đồng cấp tín dụng số 26578.21.065.27422.TD ngày 01/6/2021 với hạn mức tín dụng 50 – 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/5/2022, lãi suất 7,2%/năm. Tài sản đảm bảo là hàng hóa hình thành từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai tài trợ.
- (e) Khoản vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.
- (f) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nam Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 để tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho - Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12 Tp HCM". Thời hạn vay 06 năm, lãi suất vay từ 0,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 487, 1488, tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12, thành phố HCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của TMT. Bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Hợp đồng vay số 171019-4515028-01-SME ngày 22/10/2019 để tài trợ chi phí đầu tư văn phòng làm việc tại tòa nhà Conirco số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn vay 07 năm, lãi suất vay từ 10,8%/năm đến 11,6%/năm.
- Hợp đồng vay số 050719-4515028-01-SME ngày 05/7/2019 để mua xe ô tô Ford phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 rãr, lãi suất 10%/rãr được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo hợp đồng vay số 299/2016/HDCV/PVBHT-TMT ngày 28/10/2016 để đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng rãr, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 11,7%/năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại nhà máy ô tô Cửu Long.

Đơn vị tính: VND

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Sinostruk Import & Export Co.,Ltd.	1.568.091.929.919	1.568.091.929.919	672.155.779.861	672.155.779.861
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd.	1.092.092.323.544	1.092.092.323.544	421.053.318.101	421.053.318.101
- Sharcóng Tangjun Ouling Automobile Manufacture Co.,Ltd.	118.788.163.710	118.788.163.710	54.189.457.675	54.189.457.675
- Chongqing Sokon Motor (Group) Imp & Exp. Co.,Ltd.	54.622.586.430	54.622.586.430	21.457.770.773	21.457.770.773
- Shandong Karra Automobile Manufacturing Co.,Ltd.	97.093.541.429	97.093.541.429	47.252.101.692	47.252.101.692
- Chongqing Shuguang Panit Industry Co.,Ltd.	-	-	42.720.733.950	42.720.733.950
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	12.054.000.000	12.054.000.000	12.174.750.000	12.174.750.000
	193.441.314.806	193.441.314.806	73.307.647.670	73.307.647.670
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>				
Cộng	1.568.091.929.919	1.568.091.929.919	672.155.779.861	672.155.779.861

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>43,237,171,140</b>	<b>17.178.966.602</b>
- Chi phí lãi vay trích trước	916,859,665	759.846.027
- Chi phí vận chuyển	5,746,441,314	5.720.654.452
- Chi phí trích trước lương tháng 13	-	4.500.000.000
- Chi phí LC	13,210,259,701	2.868.405.632
- Các khoản trích trước khác	23,363,610,460	3.330.060.491
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43,237,171,140</b>	<b>17.178.966.602</b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>68.905.775.446</b>	<b>22.357.589.926</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	4.731.844.846	3.780.864.096
- Bảo hiểm xã hội	834.000	-
- Bảo hiểm y tế	4.988.963	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	102.000	-
- Phải trả về cổ phần hóa	10.400.000	10.400.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.157.605.637	18.566.325.830
<b>b. Dài hạn</b>	<b>26.400.000.000</b>	<b>26.000.060.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.400.000.000	26.000.060.000
<b>Cộng</b>	<b>95.305.775.446</b>	<b>48.357.649.926</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Cominco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Công
Số dư đầu năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	16.221.846.851	34.341.397.991	-	415.603.009.082	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	1.809.157.381	-	1.809.157.381	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	116.712.499	(233.424.998)	-	(116.712.499)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>360.727.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>16.338.559.350</b>	<b>35.917.130.374</b>	<b>-</b>	<b>417.295.453.964</b>	
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	200.200.000	200.200.000
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	39.134.919.252	-	2.922.502	39.137.841.764
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	(156)	(7.780.000)
Tăng/ giảm cơ hợp nhất Công ty con	-	-	-	-	-	(7.779.844)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	54.274.721	(108.549.442)	-	-	(54.274.721)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>360.727.500</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>16.392.834.071</b>	<b>74.935.720.350</b>	<b>203.22.346</b>	<b>456.571.441.007</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

(\*) Chi tiết phân phối lợi nhuận trong kỳ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 397/NG-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021:

	Số tiền
Trích quỹ đầu tư phát triển	54.274.721
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	54.274.721
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>108.549.442</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33	123.057.040.000	33
+ Các đối tượng khác	249.819.760.000	67	249.819.760.000	67
<b>Cộng</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	372.876.800.000	372.876.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.287.680	37.287.680
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.877.980	36.877.980
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/9/2020
<b>01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.532.925.449.896	1.250.006.857.760
<b>Cộng</b>	<b>2.532.925.449.896</b>	<b>1.250.006.857.760</b>
<b>02. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	1.521.163.636	32.270.036.579
- Giảm giá hàng bán	1.904.193.677	
<b>Cộng</b>	<b>3.425.357.313</b>	<b>32.270.036.579</b>
<b>03. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.289.799.967.618	1.106.104.750.960
<b>Cộng</b>	<b>2.289.799.967.618</b>	<b>1.106.104.750.960</b>
<b>04. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Doanh thu hoạt động tài chính	18.078.009.439	1.296.257.446
<b>Cộng</b>	<b>18.078.009.439</b>	<b>1.296.257.446</b>
<b>05. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	43.411.650.537	49.099.715.073
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.631.630.009	-
- Chi phí tài chính khác	635.454.656	8.453.001
<b>Cộng</b>	<b>73.678.735.202</b>	<b>49.108.168.074</b>
<b>06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	60.938.176.612	33.444.988.488
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	66.565.962.771	27.365.204.976
<b>Cộng</b>	<b>127.504.139.382</b>	<b>68.810.193.464</b>
<b>07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	10.442.891.541	676.015.869
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.442.891.541</b>	<b>676.015.869</b>
<b>08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	42.337.841.764	2.034.988.051
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	1.183.010.757
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	54.274.721
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	36.877.980
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,148</b>	<b>37</b>


Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Phụ trách  
Phòng tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu